TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Hà Vính
2. Ông Mai Văn Đảm

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Trương Văn L; Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Chị Chu Thị C; Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Chu Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Đến ngày 21/8/2019, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có nhiều lần dẫn đến xô sát, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, anh và chị C đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Thị L, sinh ngày 15/7/2000; Trương Thị L, sinh ngày 01/9/2002 và Trương Văn Thiện C, sinh ngày

19/10/2009. Hiện cháu L và cháu L đã thành niên, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C, hiện nay đang với với mẹ. Ly hôn, anh đề nghị giao cháu C cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị C mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2022, bị đơn chị Chu Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Đến ngày 21/8/2019, hai bên mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBNSD xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có nhiều lần dẫn đến xô sát, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, chị và anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh L làm đơn xin ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Thị L, sinh ngày 15/7/2000; Trương Thị L, sinh ngày 01/9/2002 và Trương Văn Thiện C, sinh ngày 19/10/2009. Hiện cháu L và cháu L đã thành niên, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C, hiện nay đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh L đề nghị là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Trương Văn L được ly hôn chị Chu Thị C; Về con chung: Giao cháu Trương Văn Thiện C, sinh ngày 19/10/2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị C xin vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh L và chị C đề nghị không tiến hành nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh L và chị C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh L và chị C.

[5]. Về hôn nhân: Anh Trương Văn L và chị Chu Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Đến ngày 21/8/2019, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn giữa anh L và chị C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có nhiều lần dẫn đến xô sát, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, anh L và chị C đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả anh L và chị C đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay cả anh L và chị C đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Trương Văn L và chị Chu Thị C được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Thị L, sinh ngày 15/7/2000; Trương Thị L, sinh ngày 01/9/2002 và Trương Văn Thiện C, sinh ngày 19/10/2009. Hiện nay, cháu L và cháu L đã thành niên, anh L và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C, cả anh L và chị C đều yêu cầu giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của anh L và chị C.

[7]. Về tài sản: Anh L và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Trương Văn L được ly hôn chị Chu Thị C.

Về con chung: Giao cháu Trương Văn Thiện C, sinh ngày 19/10/2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp

dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh L có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Trương Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh L đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007750 ngày 29/8/2022, anh L còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Trương Văn L và chị Chu Thị C. Anh L và chị C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc